

Bản án số: 349/2022/DS-PT

Ngày: 29-8-2022.

V/v: Đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng
Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh
Ông Lê Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLPT-DS ngày 29/01/2021 về việc "Đòi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **PVY1**, sinh năm 1959; *Có mặt.*

Bà **NTH2**, sinh năm 1961; *Có mặt.*

Cùng trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoa: Luật sư **Đỗ Văn Minh**, Văn phòng Luật sư Đỗ Minh. Địa chỉ: tầng 5 phòng 502, Nhà C4 (cầu thang 1), tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông **PVQ3**, sinh năm 1964; ông **PVC4**, sinh năm 1942, ông **PVT5**, sinh năm 1945; *Vắng mặt ông Quý, ông Chi, ông Tiệp.*

Cùng trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Na; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoài Đức. Theo Giấy ủy quyền số 176/GUQ-UBND ngày 15/7/2020; *Vắng mặt.*

3.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn Quảng, sinh năm 1932; anh Phạm Văn Hùng, sinh năm 1982; anh Phạm Văn Trung, sinh năm 1985; anh Phạm Văn Thực, sinh năm 1987; anh Phạm Văn Thắng, sinh năm 1992. *Có mặt anh Hùng; anh Trung và bà Hoa.*

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn Trung, anh Phạm Văn Thực, anh Phạm Văn Hùng, anh Phạm Văn Thắng:* Bà **NTH2**, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; *Có mặt..*

3.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (có danh sách kèm theo):

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Ghi chú
1.	Phạm Văn Khánh	1935	Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang huyện Hoài Đức, Hà Nội	
2.	Phạm Văn Khiêm	1961	như trên	
3.	Phạm Văn Thanh	1977	như trên	
4.	Phạm Văn Tùng	1985	như trên	
5.	Cao Thị Oanh	1945	như trên	
6.	Phạm Văn Đoàn	1945	như trên	
7.	Phạm Văn Vịnh	1936	như trên	
8.	Phạm Văn Cường	1990	như trên	
9.	Phạm Văn Minh	1975	như trên	
10.	Phạm Văn Thu	1972	như trên	
11.	Phạm Thị Thuý	1995	như trên	
12.	Phạm Văn Phong	1963	như trên	
13.	Nguyễn Thị Hồng	1962	như trên	
14.	Phạm Văn Tâm	1971	như trên	
15.	Phạm Văn Đức	1967	như trên	
16.	Phạm Văn Nam	1987	như trên	
17.	Phạm Văn Chương	1950	như trên	
18.	Phạm Văn Đoàn	1975	như trên	
19.	Phạm Thế Anh	1977	như trên	
20.	Phạm Văn Khiêm	1954	như trên	
21.	Nguyễn Thị Tý	1937	như trên	
22.	Phạm Văn Định	1942	như trên	

23.	Phạm Văn Dũng	1943	như trên	
24.	Phạm Văn Thái	1974	như trên	
25.	Phạm Tuấn Hà	1968	như trên	
26.	Phạm Văn Dân	1962	như trên	
27.	Phạm Văn Trọng	1971	như trên	
28.	Phí Thị Nhung	1974	như trên	
29.	Hoàng Thị Thứ	1945	như trên	
30.	Phạm Văn Tuyên	1966	như trên	
31.	Phạm Văn Huân	1941	như trên	
32.	Nguyễn Thị Hưu	1931	như trên	
33.	PVC4 ^{ến}	1966	như trên	
34.	Phạm Văn Đức	1994	như trên	
35.	Phạm Văn Phả	1960	như trên	
36.	Nguyễn Thị Tình	1936	như trên	
37.	Phạm Văn Tường	1945	như trên	
38.	Phạm Văn Thực	1977	như trên	
39.	Phạm Văn Hưởng	1964	như trên	
40.	Phạm Văn Thắng	1965	như trên	
41.	Phạm Văn Thành	1966	như trên	
42.	PVQ3	1959	như trên	
43.	Phạm Văn Lương	1962	như trên	
44.	Phạm Văn An	1963	như trên	
45.	Phạm Văn Xương	1965	như trên	
46.	Phạm Văn Tuấn	1972	như trên	
47.	Phạm Văn Hữu	1960	như trên	
48.	Phạm Văn Quang	1975	như trên	
49.	Phạm Văn Tiến	1969	như trên	
50.	Phạm Văn Hùng	1977	như trên	
51.	Phạm Văn Tuấn	1975	như trên	
52.	Phạm Văn Tráng	1994	như trên	
53.	Phạm Văn Phép	1930	như trên	

54.	Phạm Văn Trung	1974	như trên	
55.	Phạm Văn Bằng	1967	như trên	
56.	Phạm Văn Thức	1943	như trên	
57.	Phạm Văn Chính	1968	như trên	
58.	Phạm Văn Dũng	1941	như trên	
59.	Phạm Văn Dậu	1957	như trên	
60.	Phạm Văn Thương	1943	như trên	
61.	Phạm Văn Vinh	1963	như trên	
62.	Phạm Văn Phong	1940	như trên	
63.	Phạm Anh Tú	1980	như trên	
64.	Phạm Đức Toàn	1966	như trên	
65.	Phạm Mạnh Hùng	1944	như trên	
66.	Phạm Văn Dư	1979	như trên	
67.	Phạm Văn Lực	1973	như trên	
68.	Phạm Văn Quyền	1977	như trên	
69.	Phạm Thị Hợi	1948	như trên	
70.	Phạm Văn Giáp	1964	như trên	
71.	Phạm Văn Giang	1985	như trên	
72.	Phạm Văn Trường	1988	như trên	
73.	Phạm Văn Thành	1992	như trên	
74.	Phạm Thị Hợi	1922	như trên	
75.	Phí Thị Thọ	1960	như trên	
76.	Phạm Anh Tuấn	1986	như trên	
77.	Phạm Thị Xuyên	1937	như trên	
78.	Phạm Văn Tú	1987	như trên	
79.	Hoàng Thị Ty	1953	như trên	
80.	Nguyễn Thị Hồng	1962	như trên	
81.	Phạm Văn Nhương	1912	như trên	
82.	Phạm Văn Sơn	1984	như trên	
83.	Phạm Văn Phương	1961	như trên	
84.	Phạm Văn Đang	1934	như trên	

85.	Nguyễn Thị Tám	1935	như trên	
86.	Phạm Văn Bi	1953	như trên	
87.	Phạm Quỳnh Diên	1956	như trên	
88.	Cao Thị Tình	1941	như trên	
89.	Phạm Tuấn Việt	1988	như trên	
90.	Phạm Hồng Quyền	1986	như trên	
91.	Phạm Văn Khánh	1958	như trên	
92.	Phạm Văn Thuấn	1990	như trên	
93.	Phạm Văn Thành	1984	như trên	
94.	Phạm Văn Hoàn	1987	như trên	
95.	Phạm Văn An	1956	như trên	
96.	Phan Thị Liên	1957	như trên	
97.	Phạm Văn Bình	1982	như trên	
98.	Cao Thị Hiền	1936	như trên	
99.	Phạm Văn Tám	1976	như trên	
100.	Phạm Văn Thuỷ	1962	như trên	
101.	Phạm Văn Nam	1985	như trên	
102.	Phạm Thị Hằng	1952	như trên	
103.	Phạm Thị Lan	1948	như trên	
104.	Phạm Minh Tuệ	1974	như trên	
105.	Phạm Thị Muộn	1961	như trên	
106.	Phạm Văn Đoàn	1954	như trên	
107.	Phạm Văn Hà	1987	như trên	
108.	Phạm Văn Trấn	1959	như trên	
109.	Phạm Văn Đặng	1980	như trên	
110.	Phạm Văn Ngọ	1930	như trên	
111.	Phạm Thị Thìn	1940	như trên	
112.	Phạm Văn Quân	1976	như trên	
113.	Phạm Văn Sơn	1959	như trên	
114.	Phạm Trung Kiên	1993	như trên	
115.	Phạm Văn Biểu	1932	như trên	

116.	Phạm Văn Thành	1972	như trên	
117.	Phạm Văn Vinh	1964	như trên	
118.	Phạm Văn Dĩnh	1947	như trên	
119.	PVQ3	1963	như trên	
120.	Phạm Văn Đan	1955	như trên	
121.	Phạm Văn Đức		như trên	
122.	Phạm Thế Hùng	1954	như trên	
123.	Phạm Văn Quát	1943	như trên	
124.	Phạm Văn Thiều	1960	như trên	
125.	Phạm Văn Mạo	1937	như trên	
126.	Phạm Văn Châu (năm)	1965	như trên	
127.	Phạm Văn Ri	1942	như trên	
128.	Phạm Văn Thọ	1993	như trên	
129.	Phạm Thị Tâm	1943	như trên	
130.	Phạm Văn Hùng	1978	như trên	
131.	Phạm Văn Phương	1955	như trên	
132.	Phạm Văn Trân	1965	như trên	
133.	PVY1	1974	như trên	
134.	Phạm Văn Lợi	1947	như trên	
135.	Phạm Văn Thật	1989	như trên	
136.	Phạm Văn Hình	1965	như trên	
137.	Phạm Văn Huynh	1968	như trên	
138.	Phạm Văn Kiên	1990	như trên	
139.	Phạm Văn Đỗ	1988	như trên	
140.	Phạm Ngọc Tuấn	1982	như trên	
141.	Phạm Trung Thành	1993	như trên	
142.	Phạm Thanh Hà	1989	như trên	
143.	Phạm Văn Sơn	1964	như trên	
144.	Phạm Đức Thịnh	1970	như trên	
145.	Phạm Đức Việt	1994	như trên	
146.	Phạm Mạnh Dư	1979	như trên	

147.	Phạm Văn Lực	1977	như trên	
148.	Nguyễn Thị Nhỡ	1944	như trên	
149.	Phạm Văn Điệp	1981	như trên	
150.	Phạm Văn Sơn	1938	như trên	
151.	Phạm Văn Hải	1961	như trên	
152.	Phạm Văn Dũng	1985	như trên	
153.	Phạm Văn Tựu	1930	như trên	
154.	Phạm Văn Bính	1955	như trên	
155.	Phạm Văn Lượng	1952	như trên	
156.	Phạm Văn Lợi	1948	như trên	
157.	Phạm Tuấn Anh	1985	như trên	
158.	Phạm Hồng Quang	1965	như trên	
159.	Phạm Văn Thành	1957	như trên	
160.	Cao Văn Thắng	1956	như trên	
161.	Cao Văn Thủy	1982	như trên	
162.	Phạm Văn Đích	1971	như trên	
163.	Phạm Mạnh Huống	1958	như trên	
164.	Phạm Văn Quang	1971	như trên	
165.	Phạm Văn Toàn	1976	như trên	
166.	Phạm Tuấn Sửu	1949	như trên	
167.	Phạm Văn Ba	1984	như trên	
168.	Phạm Văn Nghĩa	1976	như trên	
169.	Phạm Văn Hải	1965	như trên	
170.	Phạm Văn Thuận	1990	như trên	
171.	Phạm Văn Phong	1963	như trên	
172.	Phạm Văn Tiệp	1945	như trên	
173.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1991	như trên	
174.	Phạm Thị Hảo	1993	như trên	
175.	Phạm Văn Thủy	1988	như trên	
176.	Phạm Văn Phát	1954	như trên	
177.	PVQ3	1985	như trên	

178.	Phạm Văn Đoan	1978	như trên	
179.	Phạm Văn Thọ	1976	như trên	
180.	Phạm Tuấn Hưởng	1976	như trên	
181.	Phạm Hoàng Huân	1973	như trên	
182.	Phạm Thị Đảm	1964	như trên	
183.	Phạm Văn Chuẩn	1968	như trên	
184.	Phạm Văn Hường	1976	như trên	
185.	Phạm Văn Quỳnh	1990	như trên	
186.	Phạm Văn Phần	1987	như trên	
187.	Phạm Văn Quyền	1988	như trên	
188.	Phạm Văn Phong	1963	như trên	
189.	Phạm Văn Trọng	1976	như trên	
190.	Phạm Văn Được	1953	như trên	
191.	Phạm Văn Thước	1954	như trên	
192.	Phạm Văn Trường	1984	như trên	
193.	Phạm Văn Thọ	1981	như trên	
194.	Phạm Văn Thục	1992	như trên	
195.	Phạm Văn Thọ	1973	như trên	
196.	Phạm Văn Chỉ		như trên	
197.	Phạm Văn Tùng	1991	như trên	
198.	Phạm Văn Chính		như trên	
199.	Phạm Văn Phương	1983	như trên	
200.	Phạm Văn Đông	1976	như trên	
201.	Phạm Văn Hùng	1941	như trên	
202.	Phạm Văn Dũng	1972	như trên	
203.	Phạm Văn Đệ	1971	như trên	
204.	Phạm Văn Lê	1972	như trên	
205.	Phạm Văn Hường	1994	như trên	
206.	Trần Thị Ý	1958	như trên	
207.	Phạm Văn Khương	1994	như trên	
208.	Nguyễn Thị Ngự	1942	như trên	

209.	Phạm Văn Phương	1955	như trên	
210.	PVY1	1974	như trên	
211.	Phạm Văn Phúc	1977	như trên	
212.	Phạm Văn Ứng	1989	như trên	
213.	Phạm Văn Đức	1980	như trên	
214.	Phạm Văn Tý	1927	như trên	
215.	Phạm Văn Khang	1972	như trên	
216.	Phạm Văn Quang	1978	như trên	
217.	Phạm Văn Lợi	1980	như trên	
218.	Phạm Văn Phúc	1976	như trên	
219.	Phạm Văn Hồng	1985	như trên	
220.	Phạm Văn Thắng	1978	như trên	
221.	Phạm Văn Huy	1990	như trên	
222.	Phạm Văn Trọng	1985	như trên	
223.	Phạm Văn Tiến	1987	như trên	
224.	Phạm Văn Giang	1967	như trên	
225.	Phạm Văn Hà	1972	như trên	
226.	Phạm Văn Sâm	1968	như trên	
227.	Phạm Văn Quế	1991	như trên	
228.	Phí Thị Nhâm	1941	như trên	
229.	Phạm Văn Tuyên	1973	như trên	
230.	Phạm Thành Trung	1990	như trên	
231.	Phạm Hồng Quân	1982	như trên	
232.	Phạm Văn Toàn	1958	như trên	
233.	Phạm Văn Thắng	1966	như trên	
234.	Phạm Văn Tuấn	1969	như trên	
235.	Phạm Văn Dũng	1981	như trên	
236.	Phạm Văn Hà	1981	như trên	
237.	Phạm Văn Hồng	1979	như trên	
238.	Phạm Văn Hùng	1973	như trên	
239.	Phạm Văn Hoà	1973	như trên	

240.	Phạm Văn Trường	1918	như trên	
241.	Phạm Thị Việt	1940	như trên	
242.	Phạm Thị Trí	1940	như trên	
243.	Phạm Văn Tuất	1982	như trên	
244.	Phạm Văn Chung	1986	như trên	
245.	Phạm Văn Long	1981	như trên	
246.	Phạm Đức Tuấn	1964	như trên	
247.	Phạm Văn Đông	1986	như trên	
248.	Phạm Văn Bắc	1988	như trên	
249.	Phạm Anh Tuấn	1979	như trên	
250.	Phạm Văn Toàn	1983	như trên	
251.	Phạm Văn Đức	1963	như trên	
252.	Phạm Văn Mạnh Cường	1991	như trên	
253.	Phạm Văn Mạnh Hùng	1988	như trên	
254.	Phạm Văn Đức	1957	như trên	
255.	Phạm Văn Đức	1968	như trên	
256.	Phạm Văn Quyền	1981	như trên	
257.	Phạm Văn Cường	1968	như trên	
258.	Phạm Văn Được	1965	như trên	
259.	Phạm Văn Kiên	1990	như trên	
260.	Phạm Hà Dũng	1992	như trên	
261.	Phạm Ngọc Tuấn	1971	như trên	
262.	Phạm Văn Đạt	1931	như trên	
263.	Phạm Đức Dũng	1980	như trên	
264.	Phạm Văn Quang	1969	như trên	
265.	Phạm Văn Hưng	1980	như trên	
266.	Phạm Văn Hưởng	1986	như trên	
267.	Phạm Văn Hùng		như trên	
268.	Nguyễn Thị Thảo	1979	như trên	
269.	Phạm Văn Phong	1986	như trên	
270.	Phạm Văn Dư	1982	như trên	

271.	Phạm Văn Hoa	1974	như trên	
272.	Phạm Văn Hùng	1969	như trên	
273.	Phạm Văn Hào	1981	như trên	
274.	Phạm Văn Phúc	1958	như trên	
275.	Phạm Văn Nam	1988	như trên	
276.	Phạm Văn Kiên	1990	B7, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	
277.	Phạm Văn Kỷ	1959	như trên	
278.	Phạm Văn Chư	1975	Lưu Xá, Đức Giang	
279.	Phạm Văn Chính	1985	như trên	
280.	Phạm Văn Châu	1984	như trên	
281.	Phạm Văn Chuyên	1983	như trên	
282.	Phạm Văn Mạnh	1994	như trên	
283.	Phạm Mạnh Thắng	1975	như trên	
284.	Phạm Mạnh Toàn	1976	như trên	
285.	Cao Thị Thu	1968	như trên	
286.	Nguyễn Thị Minh	1969	như trên	
287.	Phạm Văn Đích	1979	như trên	
288.	Phạm Văn Phong	1978	như trên	
289.	Phạm Văn Thịnh	1959	như trên	
290.	Phạm Văn Bính	1956	như trên	
291.	Phạm Văn Đông	1974	như trên	
292.	Phạm Thị Vi	1954	như trên	
293.	Phạm Thị Huyền	1960	như trên	
294.	Phạm Thị Nhuệ	1951	như trên	
295.	Phạm Thị Miễn	1938	như trên	
296.	Phạm Thị Thanh	1971	như trên	
297.	Phạm Thị Liên	1959	như trên	
298.	Phạm Văn Hương		như trên	
299.	Trịnh Thị Thảo		như trên	

Tại phiên tòa có mặt:

1. Ông Phạm Văn Chương, sinh năm 1950;

2. Ông Phạm Văn Thành, sinh năm 1957;
3. Ông Phạm Văn Đức, sinh năm 1968;
4. Ông Phạm Văn Tâm, sinh năm 1971;
5. Ông Phạm Đức Toàn, sinh năm 1966;
6. Ông Phạm Văn Tuấn, sinh năm 1972;
7. Ông Phạm Văn Phả, sinh năm 1960;
8. Ông Phạm Văn Khiêm, sinh năm 1961;
9. Ông Phạm Văn Hùng, sinh năm 1970;
10. Ông Phạm Văn Hình, sinh năm 1966;
11. Bà Trịnh Thị Khanh, sinh năm 1962;
12. Bà Nguyễn Thị Miện, sinh năm 1963;
13. Ông Phạm Văn Hùng, sinh năm 1944;
14. Ông Phạm Văn Mạo, sinh năm 1936;
15. Ông Phạm Văn Cường, sinh năm 1945.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

- + Ông Phạm Văn Đoàn, sinh năm 1954. *Vắng mặt.*
- + Ông Phạm Văn Dĩnh, sinh năm 1947. *Vắng mặt.*
- + Ông Phạm Văn Thái, sinh năm 1974. *Có mặt.*
- + Ông Phạm Văn Huân, sinh năm 1941. *Có mặt.*
- + Ông Phạm Văn Đoài, sinh năm 1945. *Có mặt.*
- + Ông Phạm Văn Bằng, sinh năm 1967. *Có mặt.*
- + Ông Phạm Văn Phương, sinh năm 1961. *Có mặt.*

Đều trú tại: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông PVY1, bà NTH2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Thái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

- *Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, các tài liệu khác cung cấp cho Tòa án, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông PVY1 và bà NTH2 là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày:*

Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của cha ông của ông PVY1 để lại cho ông PVY1 và bà NTH2. Năm 2006, ông Yên và bà Hoa được UBND huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thửa đất trên. Tháng 4/2008, ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 đứng lên tổ chức vận động những người trong họ Phạm đến khủng bố và ép buộc ông PVY1 viết giấy xác nhận đề ngày 10/4/2008 và ngày 21/4/2008 và ký kết vào nhiều văn bản do dòng họ Phạm với nội dung thừa nhận thửa đất tranh chấp có một phần diện tích đất của dòng họ

Phạm và nhận sai sót khi tháo dỡ ngôi nhà từ đường (nhà thờ) của họ Phạm để xây dựng nhà ở mà không xin ý kiến của dòng họ Phạm.

Sau đó ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng các thành viên trong họ Phạm đã chiếm đất và xây các công trình trên diện tích 120,1m² của thửa đất, cụ thể: nhà thờ diện tích 70,5m²; lán tôn sát hộ bà Vi diện tích 27,3m²; sân trước nhà thờ (giáp đường đi) diện tích 16,8m²; khu phụ diện tích 5,5m². Do gia đình bà không hiểu biết nên khi các thành viên trong dòng họ tiến hành xây dựng công trình trên đất, gia đình ông bà có đóng góp tiền xây dựng nhà thờ họ nhưng sau đó bị trả lại. Gia đình bà không gửi đơn thư, trình báo ngay với các cơ quan có thẩm quyền theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật để ngăn chặn việc xây dựng các công trình trái phép trên đất của gia đình bà, dẫn đến các công trình xây dựng đã hoàn thiện như hiện nay.

Nay gia đình ông bà yêu cầu ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng các thành viên trong họ Phạm tháo dỡ nhà và trả lại đất cho ông bà.

Ông Yên và bà Hoa không chấp nhận bồi thường giá trị công trình trên đất cho ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng các thành viên trong họ Phạm vì họ xây dựng công trình trái phép trên thửa đất của gia đình ông bà. Ông Yên và bà Hoa không yêu cầu ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng các thành viên trong họ Phạm bồi thường thiệt hại về hành vi chiếm đất trái pháp luật.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm:* ông Phạm Văn Quảng, bà Cao Thị Thụ (đã chết), anh Phạm Văn Trung, anh Phạm Văn Thực, anh Phạm Văn Hùng, anh Phạm Văn Thắng có quan điểm như bên nguyên đơn và ủy quyền cho bà NTH2 giải quyết và quyết định mọi vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

- ***Tại Biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Quảng và bà Cao Thị Thụ cùng trình bày:***

Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có nguồn gốc của cha ông để lại cho gia đình ông bà theo phong tục địa phương là trưởng kế trưởng, nghĩa là các con trưởng của các đời sẽ được quản lý, sử dụng đất cha ông để lại. Tài sản các cụ để lại trên thửa đất gồm có một ngôi nhà ngói 05 gian, 01 giếng khơi, 02 gian bếp, 04 gian chuồng lợn và sân gạch chỉ.

Bố mẹ ông Quảng có một mình ông Quảng là con trai nên đương nhiên ông Quảng được quyền quản lý, sử dụng thửa đất trên và có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên của dòng họ.

Khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Quảng và bà Thụ đồng ý cho ông Yên và bà Hoa được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên. Năm 2006, ông Yên và bà Hoa được Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên.

Do nhà ngôi lâu năm xuống cấp nên tháng 02/2008, gia đình ông có tháo dỡ toàn bộ nhà cũ và xây dựng nhà ngôi cấp 4 như hiện nay. Đến tháng 4/2008 xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông và một số thành viên trong họ Phạm mà đứng đầu là ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5. Nguyên nhân mâu thuẫn do các ông cho rằng đất gia đình ông đang ở là của dòng họ, việc xây dựng phải dưới sự cho phép của họ. Thời điểm này ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 hô hào các thành viên trong họ đến ép ông Yên viết giấy xác nhận với nội dung thừa nhận có một phần nhà đất trong thửa đất gia đình ông bà đang ở là của dòng họ. Dưới sự chỉ đạo của 3 ông, họ Phạm đã xây dựng xong các công trình trên đất mà không được sự đồng ý của gia đình ông.

Vì điều kiện sức khỏe và ông bà ủy quyền cho ông PVY1 và bà NTH2 thay mặt ông bà giải quyết mọi vấn đề có liên quan trong vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

- Tại Biên bản ghi lời khai, các đơn đề nghị nộp tại Tòa án, bị đơn là các ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng trình bày:

Thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của dòng họ Phạm. Năm 2006, ông PVY1 lợi dụng là trưởng thôn đã tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Yên và bà Hoa thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà không được sự đồng ý của họ. Nay ông Yên, bà Hoa khởi kiện yêu cầu tháo dỡ công trình họ Phạm xây dựng trên đất để trả lại đất cho ông Yên và bà Hoa thì các ông không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét hủy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Yên và bà Hoa.

Mặt khác, các ông cho rằng việc các ông đứng ra tổ chức xây dựng nhà thờ và các công trình khác trên đất có tranh chấp là do ban đầu có sự đồng ý của gia đình ông PVY1 (có giấy viết tay của ông PVY1), ông PVY1 lúc đó là trưởng họ cùng với Ban kiến thiết (do dòng họ lập ra) đã trực tiếp đi chọn gỗ và các vật liệu để xây dựng nhà thờ trên phần đất tranh chấp hiện nay. Mặt khác, gia đình ông Yên cũng đóng góp tiền để xây dựng nhà thờ họ như các gia đình khác trong họ Phạm.

Các ông là người được dòng họ Phạm cử làm trong Ban kiến thiết và xây dựng nhà thờ dòng họ Phạm trên một phần diện tích của thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Việc xây dựng nhà thờ là để dòng họ Phạm thôn Lưu Xá sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên chung cho cả dòng họ, không có quyền lợi riêng của cá nhân của ai, bản thân các ông không có mâu thuẫn gì với gia đình ông Yên, bà Hoa.

Nhà thờ hiện nay do cả dòng họ Phạm đang quản lý và sử dụng, không liên quan đến bất cứ cá nhân nào, vì vậy các ông không chấp nhận tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án này.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đều có quan điểm đồng ý với quan điểm của các bị đơn và ủy quyền cho: Ông Phạm Văn Đoàn, sinh năm 1954; ông Phạm Văn Dĩnh, sinh năm 1947; ông Phạm Văn Thái, sinh năm 1974; ông Phạm Văn Huân, sinh năm 1941; ông Phạm Văn Đoài, sinh năm 1945; ông Phạm Văn Bằng, sinh năm 1967; ông Phạm Văn Phương, sinh năm 1961 (là những người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn trong vụ án) tham gia tố tụng tại Tòa án giải quyết mọi vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Ngoài các ý kiến đồng quan điểm với bị đơn, các đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có thêm quan điểm là:

Khi dòng họ Phạm xây dựng nhà thờ vào năm 2008 trên một phần diện tích của thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã có sự đồng ý của ông PVY1 và cả gia đình. Ông Yên còn tham gia vào Ban kiến thiết xây nhà thờ, gia đình ông Yên còn đóng góp tiền xây dựng nhà thờ, cung cấp ranh giới đất cho các thành viên trong họ để xây dựng nhà thờ, bản thân ông Yên cùng với các thành viên trong họ Phạm đi chọn mẫu nhà thờ và chọn gỗ để làm nhà thờ.

Việc xây dựng nhà thờ là để dòng họ Phạm thôn Lưu Xá sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, không có quyền lợi của cá nhân của ai, bản thân các ông không có mâu thuẫn gì với gia đình ông Yên, bà Hoa.

Nhà thờ hiện nay do cả dòng họ Phạm đang quản lý và sử dụng, không liên quan đến bất cứ cá nhân nào. Cả dòng họ thực hiện các nghi lễ thờ cúng tổ tiên thường xuyên trên nhà thờ mới này.

Tại phiên tòa, đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản tranh chấp vì đã quá 06 tháng kể từ khi định giá, giá các tài sản như nhà thờ và giá đất là thấp so với thị trường.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có quan điểm:

Tại Thông báo số 71/TB-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Hoài Đức về việc trả lời nội dung đơn kiến nghị của dòng họ Phạm thôn Lưu Xá và đơn tố cáo của bà NTH2 và ông PVY1 kết luận:

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 cho hộ ông PVY1 thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc dòng họ Phạm Văn, thôn Lưu Xá, xã Đức Giang đề nghị UBND huyện Hoài Đức thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 do UBND huyện Hoài Đức cấp cho hộ ông PVY1 và bà NTH2 là không có cơ sở để giải quyết.

Tại Công văn số 53/CV-TNMT ngày 10/6/2013, ông Hồ Trung Nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND

huyện Hoài Đức có quan điểm: Giữ nguyên quan điểm tại Thông báo số 71/TB-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Hoài Đức.

- Theo Biên bản xác minh tại UBND xã Đức Giang về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất có tranh chấp như sau:

+ Theo Bản đồ lập năm 1939: Thửa đất tranh chấp có số thửa là 1274, tờ bản đồ số 05. Do không có sổ mục kê đất nên không có thông tin về diện tích đất và tên chủ sử dụng đất;

+ Theo Bản đồ lập năm 1986 và Sổ mục kê đất năm 1986: Thửa đất tranh chấp có số thửa là 84, tờ bản đồ số 03, diện tích 357m², đứng tên chủ sử dụng là bà NTH2;

+ Theo Bản đồ lập năm 2005 và Sổ mục kê đất năm 2005: Thửa đất tranh chấp có số thửa là 364, tờ bản đồ số 05, diện tích 358m², đứng tên chủ sử dụng là ông PVY1.

Ủy ban nhân dân xã Đức Giang lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất thửa đất nêu trên đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại hoặc thắc mắc gì.

Ngày 07/8/2006, hộ ông PVY1 và bà NTH2 được UBND huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD092142 cho hộ ông PVY1 và bà NTH2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PVY1 và bà NTH2 về việc đòi quyền sử dụng đất đối với các ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn.

Buộc ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (có danh sách kèm theo) phải thanh toán trả gia đình ông PVY1 và bà NTH2 số tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 123,2m² thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là: 1.478.400.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (tổng là 302 người), mỗi người phải trách nhiệm thanh toán trả gia đình ông Yên bà Hoa số tiền là 4.895.364đ (bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

- Giao ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn quyền sở hữu nhà thờ và các công trình trên phần diện tích đất 123,2m² thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (có sơ đồ giao đất kèm theo).

- Giao hộ ông PVY1 và bà NTH2 sử dụng phần diện tích đất còn lại 236,8m² thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức

Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất. (có sơ đồ giao đất kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông PVY1 và bà NTH2.

3. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Yên, bà Hoa và ông Thái đã nộp đơn kháng cáo.

** Theo đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông PVY1 và bà NTH2 đề ngày 08/10/2020: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.*

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: sửa bản án sơ thẩm, trả lại quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 364, tờ bản đồ 05, diện tích 360m² tại thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cho gia đình ông Yên, bà Hoa, các bị đơn và toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan di dời ngôi nhà mà họ đã xây dựng trên thửa đất của gia đình ông bà.

** Theo đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Thái đề ngày 09/10/2020: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.*

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 308 BLTTDS 2015, tuyên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên các yêu cầu và trình bày của mình. Các đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận với nhau để giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu và đề nghị: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Yên và bà Hoa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ông PVY1 và bà NTH2 được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Việc các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là thành viên trong dòng họ Phạm xây dựng một ngôi nhà để thờ cúng trên

một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Yên, bà Hoa mà không được phép của gia đình ông Yên bà Hoa là hành vi vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Yên và bà Hoa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và thư ký Tòa án tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về tố tụng: kháng cáo của ông PVY1, bà NTH2, ông Phạm Văn Thái đối với bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội trong thời hạn và đã thực hiện theo quy định của pháp luật là hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông Yên và bà Hoa không ủy quyền cho ông Đỗ Đức Thiện. Ông Huân, ông Thái, ông Đoài, ông Thắng, ông Dậu không mời các luật sư Phạm Thanh Bình và luật sư Phạm Văn Ái bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ông.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông ông PVY1, bà NTH2, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về nguồn gốc đất: Theo Bản đồ lập năm 1939: Thửa đất đang tranh chấp có số thửa là 1274, tờ bản đồ số 05. Do không có sổ mục kê đất nên không có thông tin về diện tích đất và tên chủ sử dụng đất; Theo Bản đồ lập năm 1986 và Sổ mục kê đất năm 1986: Thửa đất tranh chấp có số thửa là 84, tờ bản đồ số 03, diện tích 357m², đứng tên chủ sử dụng là bà NTH2; Theo Bản đồ lập năm 2005 và Sổ mục kê đất năm 2005: Thửa đất tranh chấp có số thửa là 364, tờ bản đồ số 05, diện tích 358m², đứng tên chủ sử dụng là ông PVY1.

Tuy nhiên, theo lời khai của các đương sự, biên bản xác minh đều xác nhận ngôi nhà mà gia đình ông Yên đã tháo dỡ là của dòng họ Phạm, hàng năm vẫn thực hiện giỗ tết dòng họ tại đây. Tại Biên bản hợp hòa giải (bút lục 583) ngày 31/10/2008 do UBND xã Đức Giang tiến hành hợp hòa giải thì ông Yên đã thừa nhận “gia đình ông Yên xin bồi thường dòng họ theo luật định vì đã dỡ nhà thờ họ mà không xin phép dòng họ”. Tại đơn đề nghị ngày 21/4/2008 và Văn bản xác nhận của gia đình ông PVY1 đều thừa nhận: Đất này của dòng họ có 1 phần của gia đình; Nhà này của dòng họ có một phần đóng góp của gia đình. Mặc dù ông

Yên và đại diện dòng họ xác định diện tích đất tranh chấp có một phần diện tích đất của dòng họ và một phần diện tích đất của gia đình ông Yên nhưng các bên không xuất tình được các chứng cứ cụ thể để xác định diện tích đất của dòng họ là bao nhiêu và của gia đình ông Yên là bao nhiêu và cụ thể ở vị trí nào.

Ngày 07/8/2006, hộ ông PVY1 và bà NTH2 được UBND huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD092142 về thửa đất nêu trên. Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có việc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, trong thời gian niêm yết công khai theo quy định, không có bất cứ ý kiến phản đối nào về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Yên, bà Hoa. Mặc dù các ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đều cư trú tại địa phương.

Mặt khác, khi các bên xảy ra tranh chấp, dòng họ Phạm đã có đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Yên, bà Hoa. Tại Thông báo số 71/TB-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Hoài Đức về việc trả lời nội dung đơn kiến nghị của dòng họ Phạm thôn Lưu Xá và đơn tố cáo của bà NTH2 và ông PVY1 đã kết luận về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 cho hộ ông PVY1 đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận thông báo về việc giải quyết đơn kiến nghị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Yên và bà Hoa, các thành viên trong dòng họ Phạm Văn không có khiếu nại hay khởi kiện vụ án Hành chính theo quy định của pháp luật, nên Thông báo số 71/TB-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Hoài Đức đã có hiệu lực thi hành.

Do vậy, có đủ cơ sở xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD092142 cấp cho hộ ông PVY1 và bà NTH2 là đúng trình tự thủ tục, quy định của pháp luật.

Nay ông Yên, bà Hoa khởi kiện đòi quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản là nhà thờ và các công trình xây dựng trên phần diện tích đất đang tranh chấp:

Khi ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn, tổ chức, tiến hành xây dựng các công trình trên diện tích đất hiện nay có tranh chấp thì ông PVY1 đã tự viết giấy và nhiều lần ký vào văn bản do họ Phạm lập với nội dung thừa nhận trong thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có một phần diện tích đất của dòng họ Phạm. Các thành viên khác trong gia đình ông PVY1 không phản đối việc xây dựng ngôi nhà thờ này. Trên cơ sở các văn bản ông Yên viết và ký, ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng các thành viên trong họ Phạm đã tổ chức và tiến hành xây dựng các công trình trên đất tranh chấp như hiện nay. Ranh giới để xây dựng nhà thờ được

ông Yên và gia đình xác định cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xây. Ông Yên và các thành viên trong gia đình ông Yên cho rằng gia đình ông bị các thành viên trong họ Phạm ép buộc ông phải viết giấy thừa nhận dòng họ có một phần đất trong thửa đất tranh chấp nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông Yên và gia đình ông Yên bị ép buộc và không có căn cứ thể hiện gia đình ông Yên có trình báo chính quyền địa phương việc ông Quý, ông Chi và ông Tiễn cùng các thành viên trong họ Phạm xây dựng nhà thờ trên đất của ông. Gia đình ông Yên và bà Hoa không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc gia đình ông bà đã có hành vi ngăn chặn dòng họ xây dựng các công trình trên đất tranh chấp, dẫn đến việc các thành viên trong họ Phạm đã xây dựng trong thời gian dài và đã hoàn chỉnh xong các công trình trên đất. Tại Thông báo số 71/TB-UBND ngày 08/5/2012 của UBND huyện Hoài Đức cũng đã kết luận Gia đình bà NTH2 tố cáo dòng họ Phạm chiếm đất của gia đình bà để xây dựng nhà thờ họ là không có cơ sở. Việc xây dựng của dòng họ căn cứ trên thỏa thuận giữa gia đình bà do ông PVY1 với dòng họ Phạm. Đồng thời, tại phiên tòa ông Yên và bà Hoa cũng thừa nhận việc gia đình có đóng góp tiền cùng xây nhà thờ trên, thể hiện việc gia đình ông Yên, bà Hoa đã biết, đồng ý và cùng các thành viên khác trong họ Phạm xây dựng nhà thờ họ trên phần đất đang tranh chấp.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đức Giang và quá trình Tòa án xem xét thẩm định hiện trạng sử dụng phần đất có tranh chấp hiện nay cho thấy: Một trong các công trình xây dựng trên đất có tranh chấp là một ngôi nhà cấp 4 được xây dựng kiên cố theo kiểu dáng sử dụng vào mục đích tâm linh, bên trong có đầy đủ các vật dụng thờ cúng theo tâm linh của người Việt Nam, hiện nay các thành viên trong họ Phạm quản lý và sử dụng vào mục đích thờ cúng, hoàn toàn không có mục đích sử dụng cá nhân. Do vậy, để đảm bảo ổn định đời sống tâm linh của dòng họ Phạm tại thôn Lưu Xá, tránh lãng phí tài sản, ổn định trật tự trị an xã hội tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho các bị đơn cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất, tài sản gắn liền với phần đất có tranh chấp. Việc giao các tài sản này cho các bị đơn cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn không làm ảnh hưởng tới việc sử dụng diện tích đất còn lại của gia đình ông Yên, bà Hoa và bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình ông Yên và bà Hoa là có căn cứ.

- Tại Biên bản xem xét thẩm định tài sản ngày 01/8/2019:

+ Diện tích đất đang có tranh chấp hiện thuộc thửa 346, tờ bản đồ 05 tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang do các thành viên dòng họ Phạm ở thôn Lưu Xá đang quản lý, sử dụng là: 123,2m².

+ Diện tích đất còn lại thuộc thửa 346, tờ bản đồ 05 tại địa chỉ: Thôn Lư Xá, xã Đức Giang do hộ ông Yên và bà NTH2 đang quản lý sử dụng là: 236,8m².

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 01/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản, tài sản các đương sự tranh chấp có giá trị như sau:

+ Quyền sử dụng thửa đất có tranh chấp có giá trị: 12.000.000đ/1m² x 123,2m² = 1.478.400.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng).

+ Tài sản gắn liền với phần đất có tranh chấp có tổng giá trị: 510.638.000đ (năm trăm mười triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Như vậy, diện tích đất có tranh chấp có giá trị là 1.478.400.000đ . Do đó, buộc ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có trách nhiệm thanh toán trả gia đình ông Yên và bà Hoa số tiền 1.478.400.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng) là phù hợp, cụ thể bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm 302 người, mỗi người phải trách nhiệm thanh toán trả gia đình ông Yên bà Hoa số tiền là 4.895.364đ (bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của ông ông Phạm Văn Thái về việc Tòa án không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092141 do UBND huyện Hoài Đức cấp cho hộ ông PVY1 và bà NTH2, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo phần lập luận đã nêu ở phần trên thì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 cho hộ ông PVY1 thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận là có căn cứ. Ông Thái kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông Thái đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án không được chấp nhận.

Việc đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 do UBND huyện Hoài Đức cấp cho hộ ông PVY1 và bà NTH2 là không có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, tuy nhiên có sửa chữa về câu chữ cách tuyên.

[3] Về án phí:

- Yêu cầu của Ông PVY1 và bà NTH2 được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị thanh toán cho hộ ông Yên, bà Hoa theo quy định của pháp luật.

Ông PVQ3 phải chịu án phí về yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

- Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông PVY1, bà NTH2 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 167, 215, 217, 220 và Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 158, 160, 163, 164, 166 và Điều 211 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 160 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PVY1 và bà NTH2 về việc đòi quyền sử dụng đất đối với các ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn.

Buộc ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (có danh sách kèm theo) phải thanh toán trả gia đình ông PVY1 và bà NTH2 số tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 123,2m² thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là: 1.478.400.000đ (một tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn (tổng là 302 người), mỗi người phải trách nhiệm thanh toán trả gia đình ông Yên bà Hoa số tiền là 4.895.364đ (bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

- Ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn được quyền sở hữu nhà thờ và các công trình trên phần diện tích đất 123,2m² thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (có sơ đồ kèm theo).

- Hộ ông PVY1 và bà NTH2 sử dụng phần diện tích đất còn lại 236,8m² thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 05, tại địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Đức Giang,

huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 092142 do Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 07/8/2006 cho hộ ông PVY1 và bà NTH2.

3. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về án phí:

- Ông PVY1 và bà NTH2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông PVY1 và bà Nguyễn Thị Hòa số tiền tạm ứng đã nộp là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000187 ngày 21/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Ông PVQ3, ông PVC4 và ông PVT5 cùng toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn mỗi người phải chịu: 187.000 đồng (một trăm tám bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông PVQ3 phải chịu án phí về yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Quý đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009307 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông PVY1 và bà NTH2. Hoàn trả ông PVY1 và bà NTH2 số tiền tạm ứng đã nộp là 600.000 đ (sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000035 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Ông Phạm Văn Thái phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000038 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Tiến Dũng